

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN CHÂU
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 76/2019/HNGĐ-ST
Ngày 23-10-2019
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Quốc.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Thanh Bình;

Bà Nguyễn Thị Thay.

- Thư ký phiên tòa: Bà Thân Thị Trang Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Hào – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 567/2019/TLST-HNGĐ, ngày 19 tháng 8 năm 2019 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 84/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Thanh T, sinh năm 1980; nơi cư trú: Tổ 4, ấp 6, xã SD, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1968; nơi cư trú: Tổ 4, ấp 6, xã SD, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 13 tháng 8 năm 2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Thị Thanh T trình bày:

Chị với anh Nguyễn Văn H sống chung với nhau năm 1997, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn G, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh ngày 20-10-2007, hôn nhân tự nguyện. Trong quá trình chung sống anh H thường xuyên uống rượu về nhà đánh đập chị; ngoài ra anh H quản lý tất cả tiền chi tiêu trong gia đình không cho chị quản lý và nghi ngờ chị ngoại tình với người khác, sự việc rầy ra và kéo dài nhiều năm cho đến nay chị không thể chịu đựng được nữa nên về nhà mẹ ruột

chị sống cách nay khoảng hơn 02 tháng. Nay chị nhận thấy không thể tiếp tục sống chung với anh H được và yêu cầu ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 03 người con tên Nguyễn Trần Phúc N, sinh ngày 21-8-1998; Nguyễn Trần Ngọc T, sinh ngày 29-01-2002 và Nguyễn Trần Trung H, sinh ngày 05-8-2008 hiện các cháu đang sống chung với anh H. Sau khi ly hôn chị đồng ý giao các con chung cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

Lời khai tại các biên bản lấy lời khai và biên bản hòa giải cũng như tại phiên tòa bị đơn anh Nguyễn Văn H có ý kiến:

Về hôn nhân: Anh thống nhất với lời trình bày của chị T về thời gian sống chung, nơi đăng ký kết hôn và thời gian ly thân. Nhưng nguyên nhân mâu thuẫn không như chị T trình bày, lý do chị T yêu cầu ly hôn thì anh không biết, theo anh nghĩ do anh bị bệnh không có việc làm, không có thu nhập và chị T trốn tránh nghĩa vụ nuôi con cùng với anh nên mới yêu cầu ly hôn với anh. Nay anh nhận thấy giữa vợ chồng không có mâu thuẫn, do đó anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 03 người con họ tên ngày, tháng, năm sinh như chị T trình bày, hiện các cháu đang sống chung với anh; mặc dù cháu N thành niên đang học đại học tại Thành phố Hồ Chí Minh nhưng chưa có nghề nghiệp ổn định, nếu phải ly hôn thì anh đồng ý trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc 03 con chung; về phần cấp dưỡng nuôi con, nếu chị T có quan tâm đến con thì tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chứ anh không yêu cầu.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân thủ theo trình tự thủ tục, thực hiện đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện các thủ tục đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, không xảy ra vi phạm về tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án.

Về việc giải quyết vụ án: Xét thấy giữa chị T và anh H đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng dẫn đến ly thân cho đến nay không thể hàn gắn được nên chị T yêu cầu ly hôn là có căn cứ chấp nhận.

- Về nuôi con chung: Chị T và anh H có 03 người con tên Nguyễn Trần Phúc N, sinh ngày 21-8-1998; Nguyễn Trần Ngọc T, sinh ngày 29-01-2002 và Nguyễn Trần Trung H, sinh ngày 05-8-2008, hiện các cháu đang sống chung với anh H, nếu ly hôn chị T đồng ý giao cháu T, cháu H cho anh H nuôi dưỡng, anh H cũng đồng ý. Mặt khác, các con chung cùng có nguyện vọng muốn sống với anh H nên cần giao cháu T và cháu H cho anh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận anh H không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận chị T, anh H không yêu cầu giải quyết.

Do đó căn cứ các Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 146 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị Thanh T đối với anh Nguyễn Văn H.

+ Về nuôi con chung: Giao con tên Nguyễn Trần Ngọc T, sinh ngày 29-01-2002 và Nguyễn Trần Trung H, sinh ngày 05-8-2008 cho anh Nguyễn Văn H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận anh H không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu Nguyễn Trần Phúc N, sinh ngày 21-8-1998 đã thành niên (đủ 18 tuổi) nên không đặt ra giải quyết.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận chị T, anh H không yêu cầu giải quyết.

+ Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị Thanh T phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân: Chị Trần Thị Thanh T và anh Nguyễn Văn H chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1997, hôn nhân giữa anh, chị là tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử nhận định đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị T thấy rằng, trong quá trình giải quyết vụ án anh H không đồng ý ly hôn với chị T với lý do giữa vợ chồng không có mâu thuẫn trầm trọng, anh vẫn còn tình cảm và quan tâm đến chị T mong được hàn gắn để cùng nhau nuôi con chung. Tuy nhiên, theo biên tại xác minh địa phương nơi chị T, anh H sống chung thuộc tổ 4, ấp 6, xã SD, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tại các bút lục số 31, 31 thể hiện: Giữa anh H với chị T có mâu thuẫn dẫn đến gây gổ, xô xát với nhau, lý do anh H thường xuyên uống rượu và nghi ngờ chị T có quan hệ tình cảm với người khác; tại phiên tòa, chị T và anh H cũng thừa nhận vợ chồng đã ly thân đến nay không hàn gắn được. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân giữa chị T và anh H đã lâm vào tình trạng trầm trọng dẫn đến vi phạm quyền, nghĩa vụ của vợ chồng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không thể đạt được nên chị T yêu cầu ly hôn với anh H là có căn cứ chấp nhận, phù hợp với quy định tại Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về nuôi con chung: Chị T và anh H có 03 người con tên Nguyễn Trần Phúc N, sinh ngày 21-8-1998; Nguyễn Trần Ngọc T, sinh ngày 29-01-2002 và

Nguyễn Trần Trung H, sinh ngày 05-8-2008, hiện các cháu đang sống chung với anh H, trong quá trình giải quyết vụ án chị T, anh H đồng ý giao cháu N, cháu T và cháu H cho anh H nuôi dưỡng. Mặt khác, theo nguyện vọng của các con chung thì muốn sống chung với anh H; ngoài ra, cháu Nguyễn Trần Phúc N, sinh ngày 21-8-1998 đã thành niên (đủ 18 tuổi) nhưng không có tài sản để nuôi sống bản thân nên anh H, chị T vẫn yêu cầu giải quyết. Do đó cần giao cháu N, cháu T và cháu H cho anh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Ghi nhận anh H không yêu cầu chị T có nghĩa vụ đóng góp (cấp dưỡng) 03 con chung cùng với anh.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận chị T, anh H không yêu cầu giải quyết.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị Thanh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự..

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trần Thị Thanh T và anh Nguyễn Văn H.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung tên Nguyễn Trần Phúc N, sinh ngày 21-8-1998; Nguyễn Trần Ngọc T, sinh ngày 29-01-2002 và Nguyễn Trần Trung H, sinh ngày 05-8-2008 cho anh Nguyễn Văn H trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Ghi nhận anh H không yêu cầu chị T có nghĩa vụ đóng góp (cấp dưỡng) các con chung cùng với anh.

Chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận chị T và anh H không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị Thanh T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng tại biên lai thu số 0015727 ngày 19 tháng 8 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh; chị T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị Thanh T, anh Nguyễn Văn H có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi

hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời H thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh (Phòng KT-NV);
- VKSND huyện Tân Châu;
- CC THADS huyện Tân Châu;
- UBND thị trấn Gò Dầu, huyện Gò Dầu;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án;

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Thanh Quốc